

5.62. Phường Chiềng An*Đơn vị tính: nghìn đồng/m²*

STT	Tên tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
1	Đường Ngô Gia Khảm					
1.1	Đường từ đầu bản Cá (Đường Quốc lộ 279D) đến cổng đường vào bản Cá	10.500	6.300	4.730	3.150	2.100
1.2	Từ cổng bản cá đường rẽ vào bản Cá đến hết đất số nhà 70 - trụ sở Doanh nghiệp Phương Thao (hết địa phận Phường Chiềng An)	4.620	2.730	2.100	1.370	950
1.3	Từ hết đất số nhà 70 - trụ sở Doanh nghiệp Phương Thao (hết địa phận Phường Chiềng An) đến hết cầu bản Panh	3.150	1.890	1.470	950	630
2	Đường Bản Bó					
-	Đường bản Bó (từ giao đường Lò Văn Giá đến cổng nước Bản Bó)	3.420	2.100	1.500	1.000	700
3	Đường Bản Cọ					
3.1	Đoạn từ giao đường Lò Văn Giá đến Cầu bản Cọ	8.510	5.150	3.780	2.520	1.520
3.2	Từ cầu bản Cọ đến Mỏ nước bản Cọ	6.720	3.990	3.050	2.000	1.200
4	Đường Lê Hiến Mai					
-	Từ cầu Bản Cọ (bờ trái) đến Hồ Tuổi trẻ	12.600				
5	Đường Nguyễn Quang Bích					
5.1	Từ đường Lò Văn Giá Km 0+768 đến đường Lê Hiến Mai Km 2+24	9.980	5.990	3.600	2.160	1.300
5.1	Tuyến đường trong khu dân cư Tổ 4 phường Chiềng An	3.090	1.890	1.370	950	630
6	Đường Song Hào					
6.1	Từ hết khu dân cư Tổ 12 phường Chiềng Lè (khu quy hoạch Lam Sơn) đến cầu Bản Cọ	10.110	7.040			

STT	Tên tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
6.2	Từ cầu Bản Cọ đến hết khu quy hoạch lô số 6B, kè suối Nậm La	10.110	7.040			
6.3	Từ hết quy hoạch lô số 6B, kè suối Nậm La đến hồ Tuổi trẻ	10.110	7.040			
7	Quốc lộ 279D					
7.1	Từ hết cầu bản Panh đến chân dốc Cao Pha	2.520	1.470	1.160	740	550
7.2	Từ Quốc lộ 279D vào khu dân cư bản Pánh	2.000	1.200	750	450	300
8	Đường Điện Biên					
-	Từ ngã ba bản Hìn (giao với Quốc lộ 6 cũ) đến hết địa phận thành phố	4.160	2.520	1.890	1.260	840
9	Đường Vũ Xuân Thiều					
9.1	Từ ngã tư giao đường Bản Cọ đến hết Trụ sở Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh Sơn La (cũ)	7.460				
9.2	Từ Trụ sở Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh Sơn La (cũ) đến Ngã 3 giao đường Nguyễn Quang Bích	11.550				
10	Khu quy hoạch đô thị; khu dân cư					
10.1	Lô số 6b, Kè suối Nậm La					
-	Đường quy hoạch 25m trở lên	15.400				
-	Đường quy hoạch 16,5m	13.200				
-	Đường quy hoạch 13,5m	11.550				
-	Đường quy hoạch 11,5m	10.582				
-	Đường quy hoạch 10,5m	9.460				
10.2	Khu đô thị phường Chiềng An (lô số 6, 7 dọc suối Nậm La)					

STT	Tên tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường quy hoạch từ 16,5m đến 17,5m	9.500				
-	Đường quy hoạch 13m	8.000				
-	Đường quy hoạch từ 10,5m đến 11,5m	7.500				
10.3	Khu dân cư bản Bó Phường Chiềng An (cạnh Trụ sở Chiềng An)					
-	Đường quy hoạch 10 m	4.000				
-	Đường quy hoạch 05 m	3.000				
10.4	Khu quy hoạch chợ, dân cư bản Hải, Phường Chiềng An					
-	Đường quy hoạch 20,5 m	12.000				
-	Đường quy hoạch rộng 13 m	11.000				
-	Đường quy hoạch 9,5 m	10.000				
10.5	Khu dân cư bản Cọ phường Chiềng An (sau chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam)					
-	Đường quy hoạch 13m	7.700				
11	Các đường nhánh trên địa bàn phường					
11.1	Từ cuối đường 13 m khu quy hoạch Lam Sơn đến đường bản Cọ	7.350	4.410	3.360	2.210	1.300
11.2	Từ Mỏ nước bản Cọ đến ngã ba giao với Phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh Sơn La	3.450	2.100	1.600	1.000	700
11.3	Từ đầu đường điện lực Lò Văn Giá giao với đường Song Hào đến ngã ba bãi đá đô thị cũ	3.500	2.100	1.600	1.100	700

STT	Tên tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
11.4	Từ nhà ông Quàng Văn Sơn đến ngã ba bãi Đá đô thị cũ bản Phứa Cón	4.500	2.700	1.600	1.000	700
11.5	Từ 279D vào Khu dân cư bản Panh	3.090	1.890	1.370	950	630
11.6	Từ đường Quốc lộ 6 đến hết đất Trung tâm bản Pảng xã Chiềng Đen cũ (nay thuộc phường Chiềng An)	570	320	210	170	110
11.7	Đoạn từ Quốc lộ 6 đến điểm Tái định cư Quỳnh Phố cũ	540	300	200	160	100
11.8	Đoạn từ bản Quỳnh Phố cũ đến điểm trường mầm non bản Pảng	700	390	260	130	100
11.9	Từ ngã 3 bãi đá đô thị cũ bản Phứa Cón đến vườn Thanh Long rẽ trái đến ngã ba đi Chiềng Ngần	540	300	200	160	100
11.10	Từ ngã 3 bãi đá đô thị cũ bản Phứa Cón đến vườn Thanh Long rẽ phải đến các tuyến khu dân cư bán kính 500m	700	390	260	130	100
11.11	Từ ngã 3 Quốc lộ 6 đến tổ 4, Phường Chiềng An	2.400	1.400	1.100	700	500
11.12	Tuyến đường trục chính trên địa bàn Tổ 3 (trừ khu vực đã quy định giá đất)	700				
11.13	Tuyến đường trục chính trên địa bàn bản Tông (trừ khu vực đã quy định giá đất)	540				
11.16	Tuyến đường trục chính trên địa bàn bản Lả Mùong, bản Sắng (trừ khu vực đã quy định giá đất)	260				
11.17	Tuyến đường trục chính trên địa bàn bản Hụm (trừ khu vực đã quy định giá đất)	300				